

Số: **41/2022/QĐST-DS**

T, ngày 18 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

*Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 299, 317, 320, 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều
468 Bộ luật Dân sự;*

*Căn cứ vào Khoản 2 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH
ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

*Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc các
đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý
số 02/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng”.*

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Trụ sở: Số 442, đường N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P, Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T, Giám đốc phòng quản lý nợ (Giấy ủy quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022)

Người được ủy quyền lại: Bà Phan Thị Thu Hằng (Giấy ủy quyền số 231/UQ-QLN.22 ngày 14/02/2022)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1970

HKTT và chỗ ở: Tập thể C33, xã Tứ Hiệp, huyện T, Hà Nội

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận tính đến ngày 10/5/2022 bà Nguyễn Thị Thanh H còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền cụ thể như sau:

- Theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TMA.CN.161.140217 ngày 15/02/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số TMA.CN.166.140217 ngày 15/02/2017 và Khế ước nhận nợ số 01: 232551099:

nợ gốc: 482.588.000 đồng; lãi trong hạn: 21.068.118 đồng; lãi quá hạn: 82.484.585 đồng; tổng cộng: 586.140.703 đồng.

- Theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TMA.CN.1306.210417 ngày 21/4/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số TMA.CN.1313.210417 ngày 21/4/2017 và Khế ước nhận nợ số 01: 236644309: nợ gốc: 408.873.000 đồng; lãi trong hạn: 15.573.382 đồng; lãi quá hạn: 68.779.886 đồng; phạt chậm trả lãi: 3.910.173; tổng cộng: 497.136.441 đồng.

- Theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TMA.CN.1306.210417 ngày 21/4/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số TMA.CN.888.051017 ngày 10/10/2017 và Khế ước nhận nợ số 01: 247636729: nợ gốc: 273.892.000 đồng; lãi trong hạn: 9.945.747 đồng; lãi quá hạn: 46.078.424 đồng; phạt chậm trả lãi: 2.543.966 đồng; tổng cộng: 332.460.137 đồng.

- Theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TMA.CN.1306.210417 ngày 21/4/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số TMA.CN.183.130218 ngày 13/02/2018 và Khế ước nhận nợ số 01: 256490089: nợ gốc: 59.524.000 đồng; lãi trong hạn: 1.607.887 đồng; lãi quá hạn: 10.042.862 đồng; phạt chậm trả lãi: 484.667 đồng; tổng cộng: 71.659.416 đồng.

- Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Thanh H ký ngày 20/4/2017; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại cổ phần A có hiệu lực từ ngày 07/9/2016 và các văn bản khác của bà H ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng số 4791392550136663: Nợ gốc: 40.516.815 đồng; lãi quá hạn: 20.786.926 đồng; tổng cộng: 61.303.741 đồng.

- Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Nguyễn Thị Thanh H ký ngày 04/7/2018; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại cổ phần A có hiệu lực từ ngày 15/12/2017 và các văn bản khác của bà H ký với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng số 9704163100045018: Nợ gốc: 40.901.177 đồng; lãi quá hạn: 15.572.377 đồng; tổng cộng: 56.473.554 đồng.

Tổng các khoản nợ là: 1.605.173.992 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.306.294.992 đồng; lãi trong hạn: 48.195.134 đồng; lãi quá hạn: 243.745.060 đồng; phạt chậm trả lãi: 6.938.806 đồng.

2.2. Bà Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền: 1.605.173.992 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.306.294.992 đồng; lãi trong hạn: 48.195.134 đồng; lãi quá hạn: 243.745.060 đồng; phạt chậm trả lãi: 6.938.806 đồng.

Toàn bộ số tiền bà Nguyễn Thị Thanh H trả nợ cho Ngân hàng TMCP A theo thỏa thuận này sẽ được trừ theo thứ tự: nợ gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Kể từ ngày 11/5/2022, bà H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong các Thỏa thuận về các điều

khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, Khế ước nhận nợ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01, địa chỉ Thôn Xuân Nê, xã Khánh Hà, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) đã được UBND huyện Thường Tín cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/2005, đăng ký sang tên cho bà Nguyễn Thị Thanh Hải theo Hợp đồng tặng cho phần quyền sử dụng đất công chứng tại Văn phòng công chứng Độc Lập, thành phố Hà Nội 7849 10/7/2017, số công chứng 07171429/HĐTCPQSDD. Hợp đồng thế chấp số TMA.BĐCN.59.090817 được công chứng tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội ngày 11/8/2017, số công chứng 002420.2017/HĐTC đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Thường Tín ngày 12/8/2017, số thứ tự 854 và Cam kết thế chấp ngày 11/8/2017 để thu hồi nợ.

2.3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh H chịu toàn bộ 30.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền 26.900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0063111 ngày 27/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thắng